

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HS-ST
Ngày 21 – 02 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Dân

Ông Trương Công Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang – Cán bộ Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Kiên Định – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất.

Họ và tên: Sơn Ch; giới tính: Nam; sinh năm: 1992; nơi cư trú: khóm T, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khơme; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Chưa biết chữ; con ông Sơn T và bà Võ Thị Đ; vợ, con: Chưa có; Anh chị em ruột: có 02 người, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất bị cáo.

- Tiền án: 02 lần.

Lần thứ nhất: Tại bản án số 89/2016/HSST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xử phạt Sơn Ch 09 tháng tù, về tội trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt ngày 07/01/2017, đã nộp xong án phí, chưa thi hành trách nhiệm dân sự về bồi thường.

Lần thứ hai: Tại bản án số 57/2018/HS-ST ngày 02/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xử phạt Sơn Ch 01 năm tù, về tội trốn khỏi nơi giam. Tổng hợp hình phạt với bản án số 228/2017/HSST phải chấp hành chung là 03 năm tù. Chấp hành xong hình phạt ngày 09/4/2020, chưa chấp hành phần án phí.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại bản án số 228/2017/HSST của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xử phạt Sơn Ch 02 năm tù, về tội cố ý gây thương tích. Chấp hành xong hình phạt ngày 09/4/2020, chấp hành xong án phí ngày 06/01/2021.

- Bị cáo Sơn Ch bị tạm giam từ ngày 31/10/2022 đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cà Mau. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo thứ hai.

Họ và tên: Lê Hoài B; giới tính: Nam; sinh năm: 1996; nơi cư trú: ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Hòa Ph và bà Trương Hồng P. Vợ: Nguyễn Phương T (đã ly hôn); Con: Lê Võ Hoàng A, sinh năm 2019; Anh chị em ruột: có 2 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2000.

- Tiền án; Tiền sự: không.

- Bị cáo Lê Hoài B bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/10/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo thứ ba.

Họ và tên: Lê Huy V, tên gọi khác: V.B; giới tính: Nam; sinh ngày: 09/9/1999; nơi cư trú: khóm B, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; con ông Lê Thanh T và bà Trần Thúy Ph (đã chết). Vợ, Con: chưa có; Anh chị em ruột: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2008.

- Tiền án; Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại bản án số 102/2017/HSST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xử phạt 02 năm tù về tội cướp giật tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 10/11/2018, chấp hành xong án phí ngày 23/8/2018.

- Bị cáo Lê Huy V bị tạm giam từ ngày 31/10/2022 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cà Mau. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo thứ tư.

Họ và tên: Lưu Vũ A, tên gọi khác: M.T; giới tính: Nam; sinh ngày: 30/7/1995; nơi cư trú: khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; con ông Lưu Thanh Q (đã chết) và bà Hồ Ngọc Kim E (đã chết). Vợ: Hồ Bảo X, Con: chưa có; Anh chị em ruột: có 05 người, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất là bị cáo Lưu Đại L trong cùng vụ án.

- Tiền án: 01 lần. Tại bản án số 72/2017/HSST ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xử phạt Lưu Vũ A 05 năm 06 tháng tù, về tội cướp tài sản. Chấp hành xong hình phạt ngày 13/3/2021, chấp hành xong án phí ngày 06/9/2017.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 25/01/2011 bị đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng theo quyết định số 179/QĐ-UBND của chủ tịch UBND thành phố Cà Mau. Chấp hành xong ngày 01/01/2013.

- Bị cáo Lưu Vũ A bị tạm giam từ ngày 31/10/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cà Mau. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Bị cáo thứ năm.

Họ và tên: Trương Hoàng S, tên gọi khác: Lượm; giới tính: Nam; sinh ngày: 1996; nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện C.N, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; con ông Trương Thanh H và bà Lê Thanh H2; Vợ, Con: chưa có; Anh chị em ruột: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất là bị cáo.

- Tiền án; Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Tại bản án số 07/2019/HS-ST ngày 05/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt ngày 25/11/2019, chấp hành xong phần án phí ngày 22/5/2019.

- Bị cáo Trương Hoàng S đang bị tạm giam trong vụ án khác tại nhà tạm giữ Công an thành phố Cà Mau. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Bị cáo thứ sáu.

Họ và tên: Lưu Đại L, tên gọi khác: U; giới tính: Nam; sinh ngày: 13/01/2001; nơi cư trú: khóm B, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; con ông Lưu Thanh Q (đã chết) và bà Hồ Ngọc Kim E (đã chết). Vợ, Con: chưa có; Anh chị em ruột: có 05 người, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất là bị cáo.

- Tiền án; Tiền sự: Không.

- Bị cáo Lưu Đại L bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/10/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Ông Du Cor T, sinh năm: 1985, địa chỉ: ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Võ Khánh T, sinh năm: 1992, địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P.T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Bà Phạm Hương Nh, sinh năm: 1976, địa chỉ: Xóm Tân 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Tạm trú tại nhà trọ A.C (phòng 2 khu F), đường Ng.T, khóm B, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong thời gian từ ngày 10/9/2022 đến ngày 20/9/2022, các bị cáo Sơn Ch, Lê Hoài B, Lưu Vũ A, Lê Huy V, Lưu Đại L và Trương Hoàng S đã thực hiện các hành vi sau:

* *Vụ thứ nhất:* Vào 07 giờ ngày 10/9/2022, ông Du Cor T đến Công an xã Lý Văn Lâm trình báo sự việc, ông T phát hiện bị mất trộm xe hiệu Wave 110, màu xanh biển số 69C1 – 413.02 của ông đậu ở nhà sau, không có cửa. Quá trình điều tra thể hiện, vào ngày 11/9/2022 có một đối tượng tên H (không rõ nhân thân và địa chỉ) là người quen của Sơn Ch gọi điện thoại nhờ Ch bán dùm 01 xe mô tô Wave 110, màu xanh, không biển số, không giấy tờ với giá là 3.500.000đ, H hứa

bán được xe, sẽ cho tiền Ch. Ch biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nhưng Hùng hứa cho tiền nên Ch đồng ý bán dùm. Ch biết Lê Hoài B muốn mua xe cũ nên Ch sử dụng Zalo có nickname là “Huynh Văn Tr” gọi cho Lê Hoài B có nickname “Lhbao” để bán xe và thông tin cho B biết xe không giấy tờ, không biển số, bán giá 3.500.000đ, B biết đây là xe do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua, Ch gửi hình ảnh xe qua Zalo cho B. Ch gọi điện thoại kêu H chạy xe đến nhà B ở xã H, thành phố C để giao xe và lấy tiền 3.500.000đ. Sau khi bán được xe H cho Ch 300.000đ. Còn B sau khi mua xe đậu ở phía sau nhà, tránh người khác phát hiện.

Ngày 20/9/2022, Lê Công Tr là bạn của T, đến nhà Lê Hoài B là anh vợ của Tr để nhận, nhìn thấy xe trên. Tr thấy giống xe của Tal bị mất. Trong lúc nhận Tr hỏi và biết B mới mua. Đến 08 giờ 30 phút ngày 21/9/2022 Tr điện thoại cho T biết sự việc, sau khi kiểm tra số khung xe Tal xác định đúng là xe của T bị mất. T đề nghị mua lại, thông qua Tr, B đồng ý bán lại cho T giá 6.000.000đ, T đồng ý. Tr đang ở gần nhà B nên hẹn Tal tại quán Luna ở phường 7, thành phố C, Tr chạy xe đến giao cho T. Khi Tr chạy xe đến quán cà phê Luna thì Công an mời về làm việc và thu giữ xe mô tô Wave 110, màu xanh, không biển số. Tiến hành kiểm tra xe có số máy NF 110 ME 0004276, số khung NF 110 M 0004276, xe không có 02 bửng 02 bên, phía trước không có mặt nạ xe. Công an thành phố Cà Mau kiểm tra điện thoại của B trong Zalo có nội dung hình ảnh của xe trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 83/KL-HĐĐGTS ngày 06/10/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận: Thời điểm định giá tháng 9 năm 2022, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave 110 màu xanh, biển kiểm soát 69C1 – 413.02, đã qua sử dụng là 12.000.000đ.

* *Vụ thứ hai:* Vào khoảng 18 giờ ngày 16/9/2022, Lưu Vũ A điều khiển xe mô tô biển số 69B1-668.19 đến phòng trọ của Lê Huy V tại khóm B, phường S, thành phố C chơi, tại đây cả hai thống nhất đi lấy trộm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài. A điều khiển xe chở V đi tìm tài sản lấy trộm, khi đến Quốc lộ 1A đoạn thuộc ấp B, xã L, thành phố C thì A phát hiện xe mô tô biển số 69E1-473.85 của ông Võ Khánh T đang đậu ngoài đường, chìa khóa còn ở ổ khóa xe nên cả hai thống nhất trộm xe trên. A đậu xe cách xe 69E1-473.85 khoảng 4m, V quan sát không thấy ai nên V lén lút lấy trộm xe 69E1-473.85. Lấy trộm được xe, V và A chạy về nhà của Sơn Ch, V nói vừa trộm được xe, kêu Ch chạy vào nhà Lê Hoài B bán. Ch biết xe trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý đem đi bán. Ch gọi điện thoại cho B bán xe và thông tin cho B biết xe không có giấy tờ, B đồng ý mua. Trước khi đi đến nhà B bán xe, V đã tháo biển số xe ra, V điều khiển xe vừa trộm được, Ch chạy xe của A. Ch đem xe vào nhà B và bán giá 4.000.000đ. B trả trước 2.800.000đ còn thiếu lại 1.200.000đ. Ch đưa tiền cho A 2.500.000đ, A và V chia ra mỗi người 1.250.000đ. Sau khi phát hiện mất xe ông Võ Khánh T đến Công an xã Lý Văn Lâm trình báo sự việc. Tang vật thu giữ là 01 xe mô tô 69E1-473.85 tại nhà của Lê Hoài B và 01 đoạn Camera ghi lại hình ảnh Lê Huy V lén lút lấy trộm xe.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 84/KL-HĐĐGTS ngày 06/10/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Cà Mau kết luận vào thời điểm

tháng 09/2022: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh, biển kiểm soát 69E1-473.85, đã qua sử dụng có giá là 10.500.000đ

Quá trình điều tra Lưu Vũ A, Lê Huy V, Sơn Ch và Lê Hoài B thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản trộm cắp như đã nêu trên.

* *Vụ thứ ba*: Khoảng 02 giờ ngày 20/9/2022, Trương Hoàng S đến nhà của Lưu Vũ A mượn xe biển kiểm soát 69B1-66819 để đi công việc. Sau đó, S rủ Lưu Đại L đi trộm cắp, cả hai lên lút lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave 110 màu xanh, biển số 69F4-8379 của bà Phạm Hương Nh tại khóm B, Phường t, thành phố C. Sau khi trộm được tài sản, Sơn và Lợi đem về và nhờ A tìm nơi tiêu thụ, A đồng ý. A biết rõ chiếc xe Honda Wave 110 màu xanh, biển số 69F4-8379 do S và L trộm cắp mà có nên tháo biển số ném bỏ và sử dụng điện thoại chụp ảnh xe gửi qua zalo cho Sơn Ch để nhờ Ch bán. Ch biết rõ xe trên do trộm cắp mà có nhưng vẫn liên hệ Lê Hoài B để bán. Lê Hoài B biết rõ xe trên do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 3.500.000đ. Ch kêu A chạy xe vào nhà B giao xe, A kêu Lê Huy V chạy xe trộm được vô nhà bán cho B, còn A thì chạy xe của A theo để chờ V về. Khi mua xe xong, B cất giấu trong nhà chờ tìm người bán lại để hưởng phần tiền chênh lệch. Sau khi bán được xe, A đưa cho S 3.500.000đ, Sơn chia cho A 500.000đ, chia cho V 300.000đ, chia cho L 1.000.000đ. Số tiền còn lại S cất giữ. Lần này Ch không được chia tiền. Sau khi phát hiện mất xe, bà Nh đã đến Công an phường 8, thành phố Cà Mau trình báo lúc 07 giờ 30 phút ngày 20/9/2022.

Tang vật tạm giữ: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave 110, màu xanh, không biển số. Số máy NF110ME0094984; số khung: NF110M0094984.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 85/KL-HĐĐGTS ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố Cà Mau kết luận: tại thời điểm tháng 9 năm 2022: 01 chiếc xe Honda Wave 110 màu xanh, BSKS 69F4-8379, đã qua sử dụng, giá trị 9.500.000đ.

Tại cáo trạng số: 28/CT-VKS ngày 12/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau đã truy tố: Sơn Ch về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm đ khoản 2 Điều 323 của Bộ luật hình sự; Lê Hoài B về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; Lê Huy V và Lưu Vũ A về tội “trộm cắp tài sản” và tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự; Lưu Đại L và Trương Hoàng S về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Sơn Ch, Lê Hoài B, Lê Huy V, Lưu Vũ A, Lưu Đại L và Trương Hoàng S. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Sơn Ch từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt Lê Hoài B từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật hình sự xử phạt Lê Huy V từ 01 (một) năm đến 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” và 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tổng hợp hình phạt của hai tội, hình phạt chung là 02 năm đến 03 năm tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật hình sự xử phạt Lưu Vũ A từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” và 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tổng hợp hình phạt của hai tội, hình phạt chung là 02(hai) năm đến 03(ba) năm tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, của Bộ luật hình sự xử phạt Trương Hoàng S từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, của Bộ luật hình sự xử phạt Lưu Đại L từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù;

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: truy thu tiền các bị cáo thu lợi bất chính.

- Các bị cáo Ch, B, V, A, S và L thừa nhận hành vi phạm tội. Các bị cáo Ch, B và L xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã có hành vi, quyết định tố tụng đúng quy định.

[2] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các tang vật đã thu giữ và lời khai của bị cáo, bị hại, người liên quan trong quá trình điều tra và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa có căn cứ khẳng định:

[2.1] Vào khoảng 02 giờ ngày 20/9/2022 tại nhà trọ A.C thuộc khóm b, phường T, thành phố C các bị cáo Trương Hoàng S và Lưu Đại L có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Wave màu xanh biển số 69F4-8379, của bà Phạm Hương Nh, tài sản có giá trị 9.500.000đ. Khi thực hiện hành vi các bị cáo S và L có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, hành vi của các bị cáo S và L đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[2.2] Vào khoảng 18 giờ ngày 16/9/2022 tại Quốc lộ 1A đoạn thuộc ấp B, xã L, thành phố C các bị cáo Lê Huy V và Lưu Vũ A đã thực hiện hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô hiệu Wave biển số 69E1-473.85 của ông Võ Khánh T. Giá trị tài sản các bị cáo lấy trộm là 10.500.000đ.

Vào ngày 20/9/2022 sau khi biết xe Wave biển số 69F4-8379 do bị cáo Trương Hoàng S và Lưu Đại L trộm cắp có được, dù không hứa hẹn trước nhưng bị cáo A nhận tiêu thụ xe giúp S và L. A đã gọi điện thoại cho bị cáo Ch để nhờ Ch liên hệ bán xe cho bị cáo B. Bị cáo Lê Huy V rủ Lưu Vũ A cùng nhau lái xe đến nhà B để bán xe cho B, A biết xe do S và L trộm cắp mà có nhưng vẫn giúp

sức cho V để tiêu thụ xe. Sau khi bán xe giúp S và L, V được hưởng lợi 300.000đ, A được hưởng lợi 500.000đ.

Khi thực hiện các hành vi trên các bị cáo V và A có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã thực hiện các hành vi trên với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, hành vi của các bị cáo V và A đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[2.3] Trên cơ sở tin báo của ông Du Cor T và quá trình điều tra đã chứng minh được vào khoảng 05 giờ ngày 10/9/2022, xe mô tô biển số 69C1 – 413.02 của ông T, giá trị còn lại 12.000.000đ đang do ông T quản lý sử dụng, đậu ở nhà sau, không đóng cửa, đã bị mất trộm. Qua đối chiếu xe thu giữ tại nhà bị cáo B, hình ảnh xe trong điện thoại của B do Ch gửi qua tài khoản Zalo khi B và Ch trao đổi việc bán xe đúng là xe của ông T đã bị mất trộm. Người trực tiếp mang xe bán cho B không phải bị cáo Ch. Lời thừa nhận của Ch xác định người quen biết của Ch tên “H” không rõ tên họ đầy đủ nhờ Ch bán xe không biển số, không giấy đăng ký xe. Do đó có căn cứ khẳng định xe mô tô 69C1 – 413.02 của ông T bị mất trộm.

Vào các ngày 11, 16 và 20 tháng 9/2022 bị cáo Sơn Ch và Lê Hoài B biết xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh biển kiểm soát 69C1 – 413.02 có giá trị 12.000.000đ là do trộm cắp mà có, người tên “H” nhờ Ch bán xe giúp; xe Wave màu xanh biển kiểm soát 69E1-473.85 có giá trị 10.500.000đ do Lưu Vũ A và Lê Huy V trộm cắp mà có, A nhờ Ch bán xe giúp, xe Wave màu xanh biển kiểm soát 69F4-8379 có giá trị 9.500.000đ do Trương Hoàng S và Lưu Đại L trộm cắp mà có Sơn nhờ A, A nhờ Ch bán giúp. Dù không hứa hẹn trước nhưng khi biết xe do trộm cắp có được, bị cáo Ch đã liên hệ với bị cáo Lê Hoài B để bán các xe trên nhằm hưởng lợi, 03 lần bán xe do trộm cắp mà có cho B, Ch hưởng lợi được 600.000đ.

Bản thân bị cáo B thừa nhận biết rõ ba chiếc xe trên do Ch gọi để bán đều là xe trộm cắp mà có nhưng B vẫn đồng ý mua giá rẻ để bán giá cao hơn hưởng lợi. Bị cáo B chưa bán được 03 xe trên thì bị phát hiện và thu giữ.

Khi thực hiện các hành vi trên, các bị cáo Ch và B có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi mua bán, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không bỏ công sức lao động nên các bị cáo đã thực hiện các hành vi trên với lỗi cố ý trực tiếp.

Bị cáo B chưa có tiền án tiền sự, nên hành vi của B đã cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Ch khi thực hiện 03 lần bán xe, trong khi đang có hai lần tiền án chưa được xóa án tích, tại bản án số 57/2018/HS-ST ngày 02/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C xét xử xác định hành vi của bị cáo Ch thuộc trường hợp tái

phạm, bị cáo Ch chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo Ch thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự, nên hành vi bị cáo Ch 03 lần bán các xe do người khác phạm tội trộm cắp tài sản mà có đã cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[3] Các bị cáo V và A; S và L khi thực hiện hành vi phạm tội có thỏa thuận cùng nhau đi tìm tài sản để trộm cắp nhưng không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể chỉ là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo B và Ch cũng như bị cáo Ch và các bị cáo khác không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, không có sự bàn bạc phân công hay hứa hẹn trước việc trộm cắp và tiêu thụ tài sản trộm cắp, chỉ khi các bị cáo khác trộm được xe mới liên hệ Ch và Ch liên hệ Bảo để bán xe. Các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với thái độ xem thường pháp luật, trong thời gian ngắn các bị cáo đã thực hiện nhiều lần tội phạm xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự xã hội, lo lắng trong nhân dân nên cần có mức án nghiêm khắc, đủ để răn đe cho bị cáo sửa chữa và cũng là phòng ngừa chung trong xã hội.

Bản thân bị cáo Ch có nhân thân xấu, bị cáo Ch và B đã thực hiện 03 lần hành vi phạm tội thuộc tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo A và V đã thực hiện 02 hành vi phạm tội. Bị cáo Sơn Ch và Lê Huy V có nhân thân từng bị kết án tội Cướp giết tài sản vào năm 2017. An có tiền án về tội cướp giết tài sản chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo An thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị cáo trộm cắp đã thu hồi trả lại cho bị hại. Do đó, các bị cáo Ch, B, V, Huy, S và L được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo L chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo B chưa có tiền án, tiền sự, có ông ngoại là Liệt sĩ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo L tuổi đời còn nhỏ, cha mẹ không còn sống hoàn cảnh cũng là một phần nguyên nhân dẫn đến hành vi vi phạm, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo L so với đề nghị của Viện kiểm sát để tạo điều kiện cho bị cáo L sớm hòa nhập xã hội, nhưng cũng đủ nghiêm khắc để bị cáo cải tạo, sửa chữa. Đối với bị cáo S là người khởi sự, chủ động đến nhà L rủ đi trộm cắp tài sản và hưởng lợi nhiều hơn bị cáo L. Bị cáo S có nhân thân từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản nên cần có mức án cao hơn bị cáo L để đảm bảo đủ thời gian giáo dục cho bị cáo sửa chữa.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ tài sản bị cáo trộm cắp đã thu hồi và trả lại cho bị hại. Bị hại không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bị hại đã được trực tiếp triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử nhưng đã có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị hại là đúng quy định.

[5] Về tang vật của vụ án: Các tang vật của vụ án đã được xử lý tại giai đoạn điều tra xong. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền các bị cáo có được từ hành vi phạm, cụ thể:

Bị cáo Ch hưởng lợi 600.000đ khi bán xe trộm của ông Tal và xe trộm của ông Toàn.

Bị cáo V hưởng lợi 1.250.000đ từ tài sản trộm và 300.000đ từ hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Bị cáo A hưởng lợi 1.250.000đ từ tài sản trộm và 500.000đ từ hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Bị cáo S hưởng lợi 1.700.000đ từ tài sản trộm.

Bị cáo L hưởng lợi 1.000.000đ từ tài sản trộm.

Đây là tiền các bị cáo thu lợi bất chính. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần truy thu sung công quỹ nhà nước.

[6] Đối với Lê Công Tr không biết hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của B, hành vi của Tr nhằm giúp ông Cor T tìm xe bị mất, không vì vụ lợi, nên không xem xét trách nhiệm hình sự của Tr là phù hợp.

Về án phí: Theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Sơn Ch phạm tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Xử phạt bị cáo Sơn Ch 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 31/10/2022.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Lê Hoài B phạm tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Xử phạt Lê Hoài B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo Lê Hoài B chấp hành án;

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Lê Huy V (V.B) phạm tội “trộm cắp tài sản” và tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

- Xử phạt bị cáo Lê Huy V (V.B) 01(một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” và 01(một) năm 03(ba) tháng tù về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Hình phạt chung của hai tội bị cáo Lê Huy V phải chấp hành là 02(hai) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 31/10/2022.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 173 và khoản 1 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55 của Bộ luật hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Lưu Vũ A (M.T) phạm tội “trộm cắp tài sản” và tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

- Xử phạt bị cáo Lưu Vũ A (M.T) 01(một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” và 01 năm 04 (bốn) tháng tù về tội “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Hình phạt chung của hai tội bị cáo Lưu Vũ A phải chấp hành là 02(hai) năm 08(tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 31/10/2022.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử:

- Tuyên bố bị cáo Trương Hoàng S (L) phạm tội “trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trương Hoàng S (L) 01 năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo Trương Hoàng S chấp hành án.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt:

U- Tuyên bố bị cáo Lưu Đại L (U) phạm tội “trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Lưu Đại L (U) 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo Lưu Đại L chấp hành án.

Căn cứ Các Điều 106, 136, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Buộc bị cáo Sơn Ch nộp số tiền thu lợi bất chính 600.000đ (*Sáu trăm ngàn đồng*)

Buộc bị cáo Lê Huy V nộp số tiền thu lợi bất chính 1.550.000đ (*Một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*).

Buộc bị cáo Lưu Vũ A nộp số tiền thu lợi bất chính 1.750.000đ (*Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

Buộc bị cáo Trương Hoàng S nộp số tiền thu lợi bất chính 1.700.000đ (*Một triệu bảy trăm ngàn đồng*).

Buộc bị cáo Lưu Đại L nộp số tiền thu lợi bất chính 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; các đương sự;
- VKSND Thành phố Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cơ quan điều tra CAND Thành phố Cà Mau;
- Cơ quan T.H.A Dân sự Thành phố Cà Mau;
- Cơ quan T.H.A Hình sự Thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TAND TP. Cà Mau.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phan Thị Thu